

CƠ CẤU GIẢNG VIÊN KHOA GIÁO DỤC MẦM NON
(TỪ NĂM 2020 ĐẾN 2024)

	STT	HỌ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	TRÌNH ĐỘ
<i>Năm 2020</i>	1	Trần Thị Hoàng Yến	1974	Nữ	TS
	2	Lê Công Phượng	1961	Nam	CN - BS
	3	Võ Trọng Vinh	1969		ThS
	4	Phạm Thị Huyền	1976	Nữ	TS
	5	Nguyễn Thị Thu Hạnh	1980	Nữ	ThS
	6	Trần Thị Thúy Nga	1980	Nữ	ThS
	7	Phạm Thị Hải Châu	1980	Nữ	ThS
	8	Nguyễn Thị Kỳ	1989	Nữ	ThS
	9	Phan Thị Quỳnh Trang	1996	Nữ	ThS
	10	Phan Huy Hà	1982	Nam	ThS
<i>Năm 2021</i>	1	Trần Thị Hoàng Yến	1974	Nữ	TS
	2	Lê Công Phượng	1961	Nam	CN - BS
	3	Võ Trọng Vinh	1969		ThS
	4	Phạm Thị Huyền	1976	Nữ	TS
	5	Nguyễn Thị Thu Hạnh	1980	Nữ	ThS
	6	Trần Thị Thúy Nga	1980	Nữ	ThS
	7	Phạm Thị Hải Châu	1980	Nữ	ThS
	8	Nguyễn Thị Kỳ	1989	Nữ	ThS
	9	Phan Thị Quỳnh Trang	1996	Nữ	ThS
	10	Phan Huy Hà	1982	Nam	ThS
<i>Năm 2022</i>	1	Trần Thị Hoàng Yến	1974	Nữ	TS
	2	Võ Trọng Vinh	1969		ThS
	3	Phạm Thị Huyền	1976	Nữ	TS
	4	Nguyễn Thị Thu Hạnh	1980	Nữ	ThS
	5	Trần Thị Thúy Nga	1980	Nữ	ThS
	6	Phạm Thị Hải Châu	1980	Nữ	ThS
	7	Nguyễn Thị Kỳ	1989	Nữ	ThS
	8	Phan Thị Quỳnh Trang	1996	Nữ	ThS
	9	Phan Huy Hà	1982	Nam	ThS
<i>Năm 2023</i>	1	Trần Thị Hoàng Yến	1974	Nữ	TS

	2	Võ Trọng Vinh	1969		ThS
	3	Nguyễn Thị Thu Hạnh	1980	Nữ	ThS
	4	Trần Thị Thúy Nga	1980	Nữ	ThS
	5	Phạm Thị Hải Châu	1980	Nữ	ThS
	6	Nguyễn Thị Kỳ	1989	Nữ	ThS
	7	Phan Thị Quỳnh Trang	1996	Nữ	ThS
	8	Phan Huy Hà	1982	Nam	ThS
	9	Dương Thị Nga	1982	Nữ	ThS
	10	Đặng Thị Lê Na	1982	Nữ	ThS
	11	Phan Thị Thuý Hằng	1984	Nữ	TS
	12	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	1995	Nữ	CN-BS
<i>Năm 2024</i>	1	Trần Thị Hoàng Yến	1974	Nữ	TS
	2	Võ Trọng Vinh	1969		ThS
	3	Nguyễn Thị Thu Hạnh	1980	Nữ	ThS
	4	Trần Thị Thúy Nga	1980	Nữ	ThS
	5	Phạm Thị Hải Châu	1980	Nữ	ThS
	6	Nguyễn Thị Kỳ	1989	Nữ	ThS
	7	Phan Thị Quỳnh Trang	1996	Nữ	ThS
	8	Phan Huy Hà	1982	Nam	ThS
	9	Dương Thị Nga	1982	Nữ	ThS
	10	Đặng Thị Lê Na	1982	Nữ	ThS
	11	Phan Thị Thuý Hằng	1984	Nữ	TS
	12	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	1995	Nữ	CN-BS